

Mã chương: 822

Mã hồ sơ: DCSD26-1015483-

Mẫu số 28

Đơn vị: Trường tiểu học Nam Vân

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

Mã ĐVQHNS: 1015483

Mã cấp NS: 4

Kho bạc Nhà nước giao dịch: KBNN Khu vực V-PGD số 4

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã nội dung kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	770.374.800	770.374.800	770.374.800	770.374.800
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	072	6051	00000	0	0	75.840.000	75.840.000	75.840.000	75.840.000
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	13.689.000	13.689.000	13.689.000	13.689.000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	072	6107	00000	0	0	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	252.769.140	252.769.140	252.769.140	252.769.140
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	2.106.000	2.106.000	2.106.000	2.106.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	96.337.566	96.337.566	96.337.566	96.337.566
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	0	0	160.692.239	160.692.239	160.692.239	160.692.239
Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	0	0	27.547.241	27.547.241	27.547.241	27.547.241
Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000	0	0	9.182.414	9.182.414	9.182.414	9.182.414
Chi khác	13	072	6299	00000	0	0	80.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000
Tiền điện	13	072	6501	00000	0	0	10.152.717	10.152.717	10.152.717	10.152.717

Tiền vệ sinh, môi trường	13	072	6504	00000	0	0	3.996.000	3.996.000	3.996.000	3.996.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	072	6552	00000	0	0	13.500.000	13.500.000	13.500.000	13.500.000
Khoản văn phòng phẩm	13	072	6553	00000	0	0	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	13	072	6605	00000	0	0	620.400	620.400	620.400	620.400
Tuyên truyền; quảng cáo	13	072	6606	00000	0	0	10.564.344	10.564.344	10.564.344	10.564.344
Khoản công tác phí	13	072	6704	00000	0	0	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000
Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn	13	072	7903	00000	0	0	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	072	7766	00000	0	0	472.000.000	472.000.000	472.000.000	472.000.000
Cộng:					0	0	2.026.775.861	2.026.775.861	2.026.775.861	2.026.775.861
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 7 tháng 4 năm 2026

Kế toán

Kiểm soát

(Ký tên)

(Ký tên, đóng dấu)

Van04Tran Thu

Người ký: Sau01 Le Thi
Ngày ký: 07/04/2026 11:58:56
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực V-PGD số 4

Sau01 Le Thi

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 6 tháng 4 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Tạ Thị Hồng Thanh

Người ký: Tạ Thị Hồng Thanh
Ngày ký: 06/04/2026 09:36:53
Đơn vị: Trường tiểu học Nam Văn

Nguyễn Thị Tuyết Hạnh

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết Hạnh
Ngày ký: 06/04/2026 15:43:11
Đơn vị: Trường tiểu học Nam Văn